

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2026

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Hạnh**

Bà **Lê Thị Vân**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Chiêm Hải Ân**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Như**-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Tuyết L**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp H, xã LĐ, tỉnh ĐT (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Minh Nh**, sinh năm 1997. Địa chỉ: khu phố LP, phường M P T, tỉnh ĐT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết L trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh Nh quen biết và chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã MPT, thị xã CL, tỉnh TG (nay là phường MPT, tỉnh ĐT). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hạnh đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường hay tranh cãi. Chị và anh Nh đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nh.

- Về con chung: Chị và anh Nh có 01 con chung tên Lê Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 16/11/2021. Hiện tại cháu M đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Minh Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Nh không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L và vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết L:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Tuyết L được ly hôn với anh Lê Minh Nh.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 16/11/2021 cho chị Huỳnh Thị Tuyết L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Minh Nh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tuyết L, xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tuyết L và anh Lê Minh Nh quen biết và chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã MPT, thị xã CL, tỉnh TG (nay là phường MPT, tỉnh ĐT), nên được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày, sau khi cưới nhau, chị và anh Nh chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường hay tranh cãi. Chị và anh Nh đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay.

Bị đơn anh Lê Minh Nh vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy anh Nh không có mong muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Thế nhưng, giữa chị L và anh Nh đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và không còn chung sống với nhau đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nh là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị L và anh Nh có 01 con chung tên Lê Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 16/11/2021. Hiện nay cháu M đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M.

Xét thấy, từ lúc chị L và anh Nh sống ly thân, cháu M sống với chị L, được chị L chăm sóc tốt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 80 của luật hôn nhân và gia đình, giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Tuyết L.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tuyết L được ly hôn với anh Lê Minh Nh.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh Nhựt M, sinh ngày 16/11/2021 cho chị Huỳnh Thị Tuyết L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Huỳnh Thị Tuyết L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0005431 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Tuyết L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh Nh có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4-Dồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND P.Mỹ Phước Tây-Dồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn

